

Bản án số: 77/2024/DS-ST

Ngày: 20/5/2024

V/v T/C Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20/5/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-DS, ngày 09/4/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐXXST-DS ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Minh H**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1966 (có mặt).

Bà **Phạm Thị Đ**, sinh ngày 01/01/1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Minh H trình bày: Ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Đ làm chủ hụi, ông Đoàn Minh H là hụi viên có tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Hụi mùa (khui theo mùa lúa) hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/3/2018, có 20 phần, ông H tham gia 01 phần. Ông H đóng hụi sống được 13 lần, đến lần khui

thứ 14 thì ông T và Đ ngưng lại không khai nữa, nên ông T và Đ còn nợ ông H là 13 lần x 2.000.000 đồng = 26.000.000 đồng.

Dây hội 2: Hội mùa (khai theo mùa lúa) hội 3.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2019, có 15 phần, ông H tham gia 01 phần. Ông H đóng hội sống được 10 lần, đến lần khai thứ 11 thì ông T và Đ ngưng lại không khai nữa, nên ông T và Đ còn nợ ông H là 10 lần x 3.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. Sau đó, ông T và Đ có trả lại cho ông H số tiền là 6.000.000 đồng, nên số tiền còn nợ lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Số tiền vốn đóng vào của 02 dây hội trên ông H không nhớ, cũng không có ghi lại.

Nay ông Đoàn Minh H yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Đ phải trả số tiền hội còn thiếu là: 50.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.200.000 đồng, còn 47.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu ông T và bà Đ trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ 47.800.000 đồng nêu trên.

Các bị đơn ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông T thống nhất còn nợ ông H số nợ hội là 47.800.000 đồng như ông H trình bày. Tuy nhiên số tiền đóng vào của ông H đối với dây 01 chỉ có 8.880.000 đồng, dây 02 là 14.200.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông, bà bị bế hội nên hoàn cảnh rất khó khăn, còn nhiều chủ nợ khác chưa trả. Do đó, ông T và bà Đ yêu cầu được trả dần cho ông H mỗi vụ lúa là 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 47.800.000 đồng nêu trên.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông H chỉ yêu cầu giải quyết số nợ hội là 47.800.000 đồng thay vì 50.000.000 đồng và tính lãi theo quy định từ ngày 16/12/2023 âm đến ngày xét xử. Xét thấy việc thay đổi này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu như trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông H cho rằng, ông là hội viên đã tham gia 02 dây hội mùa do ông T và bà Đ làm chủ hội như trên. Quá trình giao dịch hội, vợ chồng ông T, bà Đ bị bế hội, ngưng khai. Tại phiên tòa, các bên thống nhất số nợ hội các bị đơn còn nợ nguyên đơn là 47.800.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng, Hợp đồng góp hội giữa ông H và ông T, bà Đ được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự

là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hui, các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, khi tự ý ngưng hui mà không được sự đồng ý của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[3] Đối với yêu cầu trả dần số nợ hui 47.800.000 đồng nêu trên của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy thuộc lĩnh vực thi hành án nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn ông T và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $47.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.390.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, bà Đ thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí phần bà phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường;

- Căn cứ Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Đoàn Minh H số tiền nợ hui là 47.800.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đoàn Minh H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Đ còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho ông Đoàn Minh H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.195.000 đồng. Bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí.

Ông Đoàn Minh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003693 ngày 08/4/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa